TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 24, 06/06 - 10/06/2022

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Một tuần nhìn lại:

"Cơn bão lạm phát"

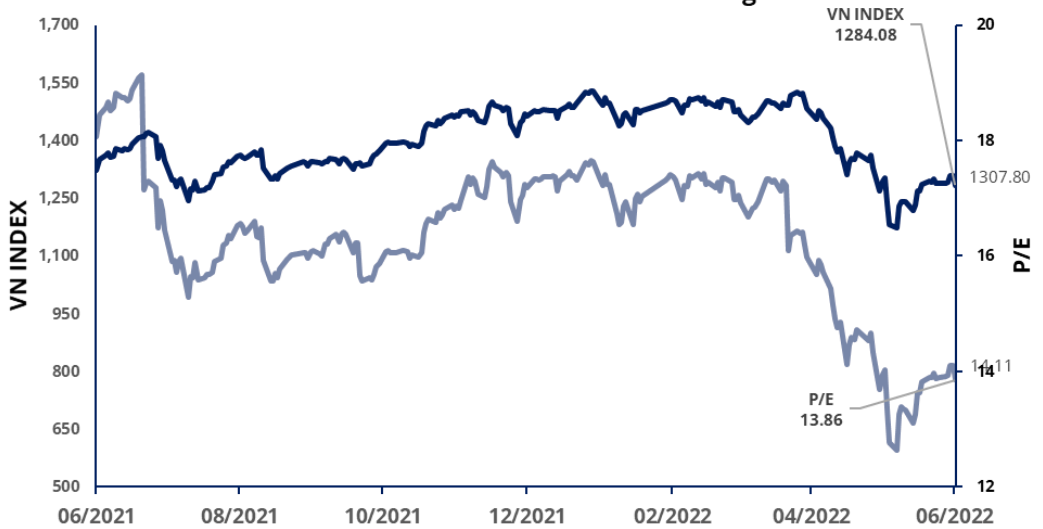
Thị trường chứng khoán toàn cầu trong tuần qua diễn biến trái chiều. Lạm phát trong tháng 5 của Mỹ ghi nhận ở mức 8.6% cao hơn dự kiến khiến thị trường chứng khoán trượt dài. Cụ thể, S&P500 giảm 48.74 diểm, Nasdaq Composite bốc hơi 672.71 điểm. Các cổ phiếu công nghệ điều chỉnh mạnh mẽ nhất trong khi lợi tức trái phiếu chính phủ Mỹ trong ngắn hạn bật tăng mạnh. Tại Châu Âu, ECB cho biết họ có thể tăng lãi suất nhanh hơn kế hoạch khiến thị trường chứng khoán giảm mạnh. Chỉ số STOXX Euruope 600 giảm 3.95%, chỉ số DAX giảm 4.83%. Trong khi đó, thị trường Nhật Bản ngược dòng, Nikkei 225 tăng nhẹ 0.23% nhờ vào sự khởi sắc của nền kinh tế khi mở cửa du lịch trở lại. Tại Trung Quốc, nhờ vào chính sách tiền tệ mở rộng và giảm áp lực đối với các công ty công nghệ đã giúp cho chỉ số Shanghai Composite tăng vọt 2.7%.

Thị trường chứng khoán Việt Nam chấm dứt đà tăng sau ba tuần liên tiếp. Áp lực bán mạnh mẽ vào cuối phiên giao dịch ngày thứ 6 đã khiến cho VN Index kết tuần trong sắc đỏ và rơi xuống dưới vùng 1.300 điểm. Kết tuần, chỉ số VN Index giảm 3.90 điểm về mốc 1284.08. Chỉ số HNX Index giảm 6.93 điểm về mức 306.44 điểm, trong khi đó UPCOM giảm nhẹ 1.17 điểm về ngưỡng 93.72.

Góc nhìn kỹ thuật cho thấy chỉ số VN-Index vẫn chưa chinh phục thành công kháng cự 1.300 điểm bất chấp trong tuần qua đã nhiều lần vượt qua khu vực này. Áp lực bán mạnh mẽ xuất hiện mỗi khi VN Index tiến tới MA 9 ở ngưỡng 1.310 điểm. Thanh khoản trên thị trường đem lại tín hiệu tích cực khi tiếp tục cải thiện so với tuần trước đó. Trong tuần qua, Bộ trưởng Bộ tài chính Hồ Đức Phớc cũng cho biết sẽ tiếp tục tăng cường kiểm tra và phối hợp cùng Ngân hàng nhà nước để nâng cao tính minh bạch và bền vững của thị trường tài chính.

Dữ liệu thị trường tuần		%thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1T	1Thg	3Tng	TĐN	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (tỷ $)
VN-Index	1,284	-0.5	-0.7	-13.2	-12.3		13.9	2.2	220
Upcom Index	94	-0.2	-5.4	-18.7	-16.2		15.0	1.7	54
HNX Index	306	-0.1	-7.1	-31.5	-32.0		15.8	1.8	14
VN30 Index	1,326	-0.1	-1.5	-11.0	-12.8		11.6	2.2	151
S&P 500 Index	3,901	-5.4	-2.5	-8.4	-17.2		19.5	3.9	34,174
STOXX Europe 600 Index	423	-4.8	0.6	-1.0	-11.1		15.2	1.8	12,261
Hang Seng	21,806	0.7	11.1	4.4	-9.1		7.9	0.9	2,964
Nikkei 225	27,824	-0.3	6.3	8.3	-2.2		19.8	1.7	3,534
SHCOMP Index	3,285	1.5	8.2	-0.3	-10.4		13.3	1.5	6,602
STI Index	3,182	-1.4	-1.6	-1.8	1.5		13.5	1.1	353
KOSPI Index	2,596	-2.8	0.0	-3.2	-13.8		11.1	1.0	1,555

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Source: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Theo vốn hóa và ngành

Giá trị giao dịch trên thị trường tiếp tục dưới ngưỡng trung bình 20 phiên giao dịch. Cụ thể, thanh khoản trung bình mỗi phiên đạt 14,251 tỷ tăng hơn 5% so với trung bình tuần trước đó.

Theo nhóm vốn hóa, cả ba nhóm vốn hóa đều giảm sút so với tuần trước đó, nhóm Small cap giảm mạnh nhất với 1.1%. Thanh khoản của nhóm Large cap và Mid cap tăng trưởng so với tuần trước đó trong khi giá trị giao dịch cuản hóm Small Cap giảm hơn 10%

Các nhóm ngành trong tuần qua có sự phân hóa cao, nhóm ngành dầu khí vẫn tiếp tục bứt phá 2.7% nhờ vào diễn biến tích cực của giá dầu trên thế giới. Nhóm ngành công nghệ thông tin giảm mạnh nhất trên 3% do áp lực chốt lời của các nhà đầu tư sau 2 tuần tăng mạnh. Về giá trị giao dịch, nhóm tiện ích có tuần thư hai liên tiếp bứt phá về thanh khoản, đáng chú ý nhất là nhóm thủy điện vào mùa mưa và được hưởng lợi từ giá nguyên vật liệu của các nhóm điện khác tăng mạnh. Trong khi đó, dòng tiền vẫn chưa mặn mà đối với nhóm ngành Tài chính Ngân hàng khi giá trị giao dịch giảm sút bất chấp thanh khoản của thị trường chung đi lên.

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	% thay đổi GTGD			%tỉ trọng GTGD		Định giá		
	1T	1Thg	TĐN	1T	1Thg	TĐN	HT	TĐ	P/E	P/B	Vốn hóa tỷ đồng)
Large Cap	-0.3	-0.7	17.5	4.2	2.3	-18.5	69.7	-0.5	13.7	2.2	4,411,140
Mid Cap	-0.3	-0.2	31.6	7.8	18.7	-28.4	28.7	0.8	13.9	1.4	607,835
Small Cap	-1.1	-4.2	22.1	-10.8	-2.1	-62.7	1.6	-0.3	20.6	0.9	73,578

Theo ngành

Tên ngành	% thay đổi GTGD			%tỉ trọng GTGD				P/E	P/B	Vốn hóa tỷ đồng)
	1T	1Thg	TĐN	1T	1Thg	TĐN	HT	TĐ			
Dầu khí	2.7	7.6	-6.4	17.9	44.1	12.9	2.2	0.2	28.4	2.4	68,699
Nguyên vật liệu	1.7	-2.8	26.9	2.9	4.2	-24.1	17.6	-0.4	6.8	1.7	431,985
Hàng Tiêu dùng	0.5	0.5	0.4	5.1	24.3	-10.1	12.6	0.0	17.4	2.8	625,115
Công nghiệp	0.3	2.3	30.3	18.5	25.6	-21.0	15.1	1.7	15.7	1.3	272,750
Dược và Y tế	0.1	-3.4	5.9	50.0	32.2	-52.3	0.4	0.1	16.0	2.1	34,489
Ngân hàng	-0.1	-2.5	16.4	-4.5	-21.2	-40.3	11.6	-1.2	10.1	1.7	1,532,596
Dịch vụ Tiêu dùng	-0.3	1.9	45.4	11.7	25.7	-8.0	5.5	0.3	n.a	4.8	270,525
Tài chính	-1.1	-3.1	18.6	-7.1	-9.9	-33.7	26.6	-3.5	19.0	2.1	1,365,603
Tiện ích Cộng đồng	-1.7	9.3	29.6	84.7	152.1	123.7	6.1	2.6	17.9	2.5	370,742
Công nghệ Thông tin	-3.3	10.2	110.1	6.1	23.6	-11.3	2.3	0.0	21.2	3.4	115,471

Chú thích:
-TĐN: Từ đầu năm
-HT: Hiện tại
-TĐ: Thay đổi

WEEKLY SNAPSHOT
Sự dịch chuyển của dòng vốn

Về sự dịch chuyển của dòng vốn trên thị trường châu Á, thị trường Indonesia thu hút dòng tiền mạnh mẽ nhất với 103 triệu USD. Trong khi đó, thị trường Hàn Quốc và Đài Loan bị rút ròng mạnh nhất lần lượt là 1,796 và 826 triệu USD. Tại thị trường Việt Nam, dòng vốn ngoại cho thấy tín hiệu tích cực khi tăng 11 triệu USD.

Thông qua kênh ETF, các quỹ ETF nước ngoài mua ròng 9.25 triệu đô la toàn bộ đến từ quỹ Fubon FTSE Vietnam ETF. Ở chiều ngược lại, các quỹ ETF trong nước đã bán ròng 1.35 triệu đô la toàn bộ đến từ quỹ DCVFMVN30 ETF FUND

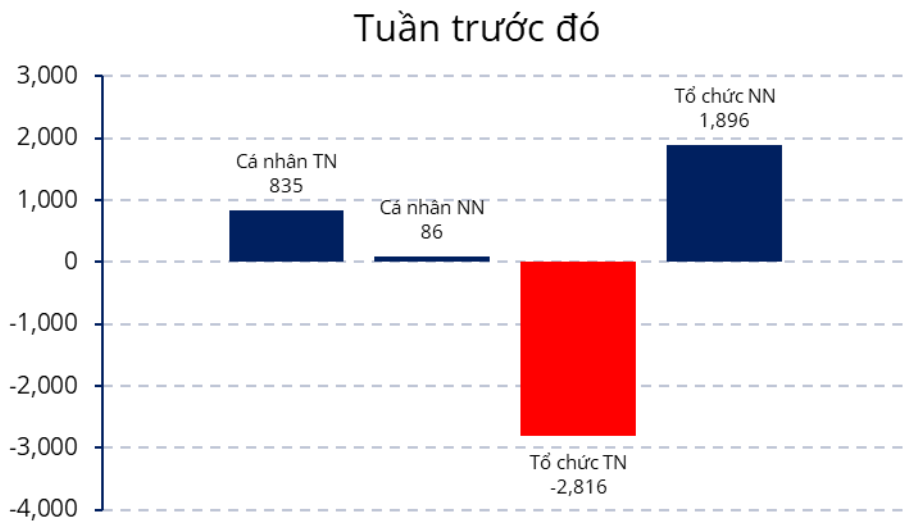
Tên ETF	Tài sản (Triệu $)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1T	1Thg	3Thg	TĐN
Tổng các quỹ ETF	**2,981**	**7.90**	**70.26**	**23.8**	**80.2**
Nước ngoài	**1,833**	**9.25**	**69.54**	**27.1**	**141.5**
VanEck Vectors Vietnam ETF	418	0.00	-3.08	-29.0	-0.9
Fubon FTSE Vietnam ETF	553	9.25	111.25	131.8	384.4
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	395	0.00	-17.76	-37.5	-30.2
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	289	0.00	-3.91	-20.4	-109.8
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	136	0.00	-16.96	-17.0	-105.9
Premia MSCI Vietnam ETF	24	0.00	0.00	-1.0	-0.4
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	6	0.00	0.00	0.0	-8.5
Asian Growth CUBS ETF	12	0.00	0.00	0.0	12.7
Trong nước	**1,148**	**-1.35**	**0.72**	**-3.2**	**-61.3**
DCVFMVN Diamond ETF	608	0.00	0.00	0.0	-103.9
DCVFMVN30 ETF Fund	365	-1.35	-1.79	-3.2	0.0
SSIAM VNFIN LEAD ETF	126	0.00	2.52	-2.9	0.1
MAFN VN30 ETF	27	0.00	0.00	2.9	32.8
SSIAM VNX50 ETF	13	0.00	0.00	0.0	0.0
VinaCapital VN100 ETF	4	0.00	0.00	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	5	0.00	0.00	0.00	9.7

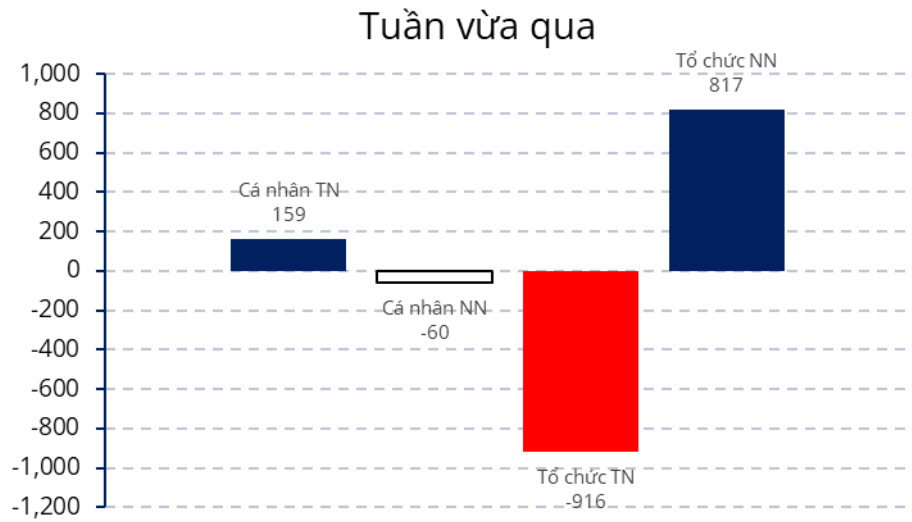
Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc	n.a	-64,037	-116,788	-116,788
Ấn độ	-837	-1,480	-10,167	-23,695
Indonesia	103	149	2,689	4,918
Nhật Bản	-934	-934	26,678	9,195
Maylaysia	-58	-50	161	1,702
Philippines	-25	-41	-490	-609
Hàn Quốc	-1,796	-2,038	-6,831	-13,328
Sri Lanka	0	1	2	-8
Đài Loan	-826	-1,510	-10,555	-27,856
Thái Lan	-59	-158	755	4,124
Việt Nam	11	7	199	-108

Chú thích:
-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Về hoạt động giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư, các nhà đầu tư nước ngoài mua ròng 757 tỷ. Tương tự, nhóm nhà đầu tư cá nhân trong nước mua ròng 159 tỷ đồng. Trong khi đó, các nhà đầu tư tổ chức trong nước bán ròng 916 tỷ.





Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam, đơn vị :tỷ đồng

Chú thích:
-TN: trong nước
-NN: nước ngoài

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	TGG	Xây dựng và Vật liệu	5.08 - 77.40	6.4	-19.14%
2	PTC	Xây dựng và Vật liệu	4.99 - 48.33	14.2	-16.02%
3	TNC	Hóa chất	23.50 - 59.90	47.2	-15.71%
4	DRH	Bất động sản	6.09 - 29.50	11.2	-15.15%
5	ABR	Sản xuất nông nghiệp	16.00 - 23.00	16.0	-13.98%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
16.56%	9.1	7.00 - 14.10	Xây dựng và Vật liệu	CRC
15.89%	24.8	14.80 - 31.70	Truyền thông	YEG
13.88%	7.3	4.25 - 15.30	Xây dựng và Vật liệu	HID
13.79%	14.9	11.50 - 20.20	Xây dựng và Vật liệu	CEE
13.51%	7.3	27.70 - 68.20	Xây dựng và Vật liệu	VGC

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	CTT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	9.60 - 24.00	14.0	-30.69%
2	HMH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	12.30 - 25.90	18.4	-23.97%
3	BII	Bất động sản	4.10 - 34.10	4.2	-22.22%
4	VKC	Ô tô và phụ tùng	4.00 - 30.80	4.0	-21.57%
5	SFN	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	19.00 - 31.30	21.4	-17.69%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
28.24%	10.9	3.10 - 11.20	Tài nguyên Cơ bản	MHL
20.52%	92.8	66.50 - 93.00	Thực phẩm và đồ uống	HHC
19.66%	14.0	10.70 - 28.20	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	DPC
17.59%	12.7	6.40 - 12.70	Xây dựng và Vật liệu	CX8
16.48%	20.5	12.50 - 27.00	Xây dựng và Vật liệu	VIT

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	CAB	Truyền thông	33.60 - 92.50	33.6	-54.84%
2	VIN	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	12.10 - 46.00	28.1	-38.24%
3	CI5	Xây dựng và Vật liệu	4.00 - 22.70	9.5	-36.24%
4	CC4	Xây dựng và Vật liệu	10.00 - 28.20	19.3	-31.56%
5	VET	Hóa chất	56.00 - 122.40	82.6	-28.79%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
35.65%	78.0	31.50 - 79.80	Y tế	TVP
33.90%	7.9	4.70 - 10.30	Xây dựng và Vật liệu	DSG
33.33%	7.2	4.60 - 17.50	Thực phẩm và đồ uống	SSN
32.48%	36.3	20.00 - 36.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	BRS
31.84%	32.3	13.10 - 32.30	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	HKP

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến

	Tickers	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu đ)	%1 Tuần	HT	Biến động 52 tuần	%1 Tuần
1	PDN	Cảng Đồng Nai	Thực phẩm và đồ uống	92	817.5	96.2	77.20 - 122.50	-5.9
2	IMP	IMEXPHARM	Y tế	116	604.5	63.7	59.10 - 86.40	-3.5
3	PGD	PV GAS D	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	811	490.0	34.8	27.50 - 44.00	5.5
4	ASG	Tập đoàn ASG	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	36	455.8	30.0	26.95 - 32.30	4.5
5	PGV	Tổng Công ty Phát điện 3	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	479	417.4	30.6	26.50 - 44.40	-3.8
6	IBC	Đầu tư APAX Holdings	Dịch vụ tài chính	1,649	407.5	20.2	18.40 - 23.20	1.0
7	CSM	Cao su Miền Nam	Ô tô và phụ tùng	1,049	395.9	17.9	14.40 - 23.50	8.5
8	CLC	Thuốc lá Cát Lợi	Hàng cá nhân & Gia dụng	832	386.8	38.8	29.60 - 41.80	-1.8
9	DBD	Dược - TB Y tế Bình Định	Y tế	10,168	316.5	46.7	30.77 - 48.80	3.6
10	NT2	Điện lực Nhơn Trạch 2	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	67,367	314.3	26.5	18.25 - 28.40	12.8

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Bảng trên liệt kê ra top 10 cổ phiếu trong rổ chỉ số VN Index có vốn hóa trên 1,000 tỷ đồng và giá trị giao dịch bình quân hằng ngày trong tuần qua so với tuần trước đó la cao nhất.

WEEKLY SNAPSHOT

Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

	Giá	1T	1TH	3TH	TĐN	XH
Dollar index	103.19	1.03	-0.70	4.76	7.86	
VND/USD	23,178	-0.08	1.01	1.47	1.54	
KRW/USD	1,268.55	2.10	-0.59	3.27	6.70	
JPY/USD	133.65	2.12	2.45	15.08	16.14	
EUR/USD	0.94	0.84	-0.93	3.37	6.99	
SGD/USD	1.38	0.31	-0.75	1.54	2.32	
CNY/USD	6.69	0.41	-0.70	5.78	5.22	

Hàng hóa

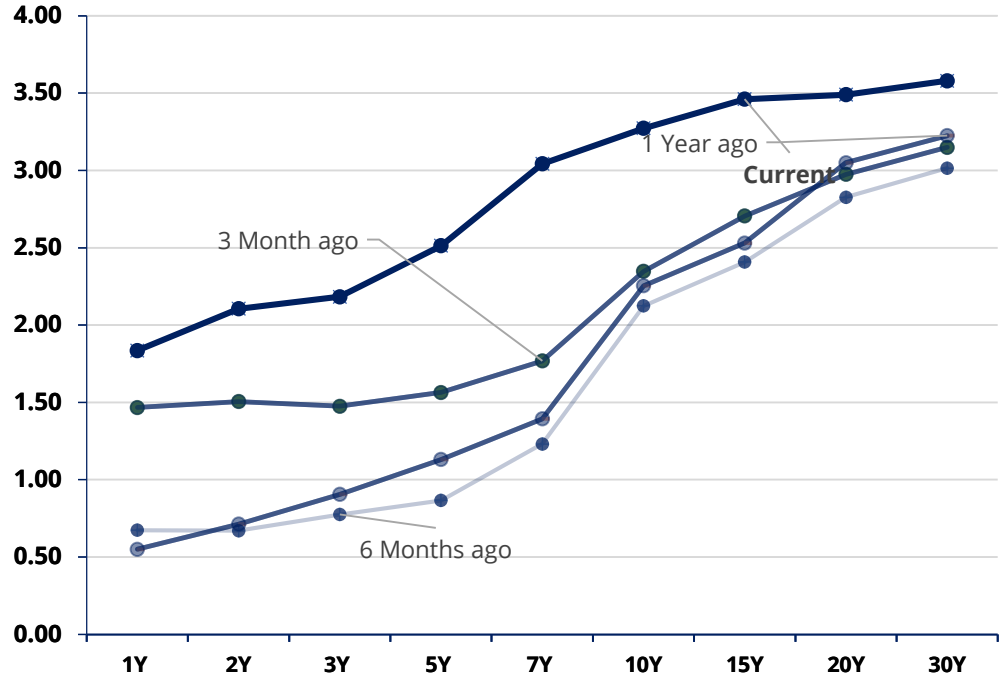
	Giá	1T	1TH	3TH	TĐN	XH
Dầu thô	120.81	1.63	21.10	13.95	60.63	
Xăng	426.28	0.25	20.37	35.04	91.29	
Gas	8.98	5.36	21.60	93.91	140.75	
Than	396.00	-4.00	5.04	-5.86	133.49	
Vàng	1,846.57	-0.25	0.45	-7.53	0.95	
Bạc	21.71	-0.98	2.09	-16.22	-6.86	
Platinum	974.93	-4.21	0.66	-9.06	0.64	
Quặng sắt	143.63	0.90	7.74	-8.86	27.67	
Thép cán	4,870.00	0.29	-1.62	-4.92	2.55	
Lúa mì	1,065.50	2.45	-1.64	-0.77	38.24	
Ngô	768.50	5.71	-2.29	1.42	29.54	
Gỗ	568.30	-5.05	-43.68	-57.92	-50.49	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:
-TĐN: Từ đầu năm
-XH; Xu hướng
-Thay đổi(BPS): số điểm cơ bản thay đổi sau 1 tuần

Dữ liệu về lãi suất

Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.84	2.11	2.18	2.51	3.04	3.27	3.46	3.49	3.58
Thay đổi (BPS)	-26.50	-7.00	-4.20	-1.00	3.30	0.60	1.10	0.50	2.00

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải c hịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã đư ợc hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính nà y có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi t rường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán S hinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua h oặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứ ng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể đ ược sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.